

GNN-190(K,L) NIM 32CH LVDS to TTL

NIM 規格 32 チャンネル LVDS - TTL 信号変換モジュール

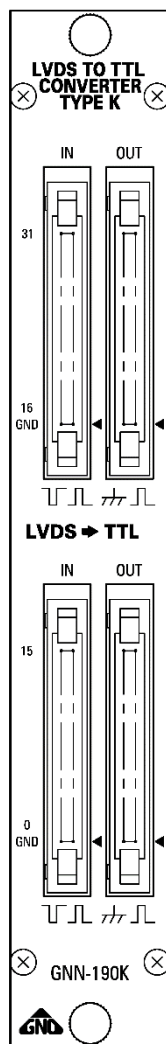
【概説】

このモジュールは、物理学実験、素粒子実験等で使用される LVDS レベル信号を TTL レベル信号に変換する NIM 規格モジュールです。

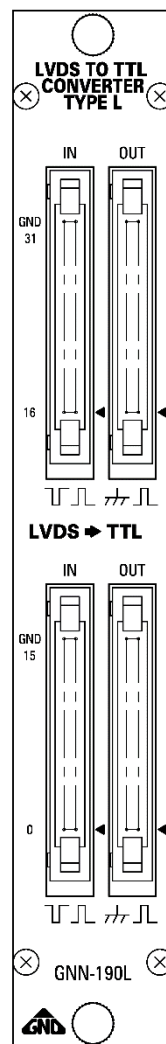
パネル面には、入力を 34 ピンのフラットケーブル用コネクタで 2 系統(各 16 チャンネル)、出力も同様のコネクタを 2 系統で配置しております。

納品モジュールは、パネル面黒色・文字印刷白色となります。

[TYPE K]



[TYPE L]



【仕様】

筐体形状：NIM 規格 1 幅ケース
チャンネル数：32
最大動作周波数：110MHz
入出力間遅延時間：7nSec
使用電源・消費電流：+6V・1.1A
入出力コネクタ：34 ピンフラットケーブル用

※ピンサインは 2 種(K, L)より選択

【ピンアサイン詳細】

[TYPE K] - 1,2PIN GND タイプ -

入力(LVDS)

上段左側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	CH31-N	33	CH31-P
32	CH30-N	31	CH30-P
30	CH29-N	29	CH29-P
28	CH28-N	27	CH28-P
26	CH27-N	25	CH27-P
24	CH26-N	23	CH26-P
22	CH25-N	21	CH25-P
20	CH24-N	19	CH24-P
18	CH23-N	17	CH23-P
16	CH22-N	15	CH22-P
14	CH21-N	13	CH21-P
12	CH20-N	11	CH20-P
10	CH19-N	9	CH19-P
8	CH18-N	7	CH18-P
6	CH17-N	5	CH17-P
4	CH16-N	3	CH16-P
2	GND	1	GND

⇒

出力(TTL)

上段右側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	CH31
32	GND	31	CH30
30	GND	29	CH29
28	GND	27	CH28
26	GND	25	CH27
24	GND	23	CH26
22	GND	21	CH25
20	GND	19	CH24
18	GND	17	CH23
16	GND	15	CH22
14	GND	13	CH21
12	GND	11	CH20
10	GND	9	CH19
8	GND	7	CH18
6	GND	5	CH17
4	GND	3	CH16
2	GND	1	GND

下段左側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	CH15-N	33	CH15-P
32	CH14-N	31	CH14-P
30	CH13-N	29	CH13-P
28	CH12-N	27	CH12-P
26	CH11-N	25	CH11-P
24	CH10-N	23	CH10-P
22	CH9-N	21	CH9-P
20	CH8-N	19	CH8-P
18	CH7-N	17	CH7-P
16	CH6-N	15	CH6-P
14	CH5-N	13	CH5-P
12	CH4-N	11	CH4-P
10	CH3-N	9	CH3-P
8	CH2-N	7	CH2-P
6	CH1-N	5	CH1-P
4	CH0-N	3	CH0-P
2	GND	1	GND

⇒

下段右側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	CH15
32	GND	31	CH14
30	GND	29	CH13
28	GND	27	CH12
26	GND	25	CH11
24	GND	23	CH10
22	GND	21	CH9
20	GND	19	CH8
18	GND	17	CH7
16	GND	15	CH6
14	GND	13	CH5
12	GND	11	CH4
10	GND	9	CH3
8	GND	7	CH2
6	GND	5	CH1
4	GND	3	CH0
2	GND	1	GND

[TYPE L] - 33,34PIN GND タイプ -

入力(LVDS)

上段左側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	GND
32	CH31-N	31	CH31-P
30	CH30-N	29	CH30-P
28	CH29-N	27	CH29-P
26	CH28-N	25	CH28-P
24	CH27-N	23	CH27-P
22	CH26-N	21	CH26-P
20	CH25-N	19	CH25-P
18	CH24-N	17	CH24-P
16	CH23-N	15	CH23-P
14	CH22-N	13	CH22-P
12	CH21-N	11	CH21-P
10	CH20-N	9	CH20-P
8	CH19-N	7	CH19-P
6	CH18-N	5	CH18-P
4	CH17-N	3	CH17-P
2	CH16-N	1	CH16-P

⇒

出力(TTL)

上段右側コネクタ			
PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	GND
32	GND	31	CH31
30	GND	29	CH30
28	GND	27	CH29
26	GND	25	CH28
24	GND	23	CH27
22	GND	21	CH26
20	GND	19	CH25
18	GND	17	CH24
16	GND	15	CH23
14	GND	13	CH22
12	GND	11	CH21
10	GND	9	CH20
8	GND	7	CH19
6	GND	5	CH18
4	GND	3	CH17
2	GND	1	CH16

下段左側コネクタ

PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	GND
32	CH15-N	31	CH15-P
30	CH14-N	29	CH14-P
28	CH13-N	27	CH13-P
26	CH12-N	25	CH12-P
24	CH11-N	23	CH11-P
22	CH10-N	21	CH10-P
20	CH9-N	19	CH9-P
18	CH8-N	17	CH8-P
16	CH7-N	15	CH7-P
14	CH6-N	13	CH6-P
12	CH5-N	11	CH5-P
10	CH4-N	9	CH4-P
8	CH3-N	7	CH3-P
6	CH2-N	5	CH2-P
4	CH1-N	3	CH1-P
2	CH0-N	1	CH0-P

⇒

下段右側コネクタ

PIN	信号名	PIN	信号名
34	GND	33	GND
32	GND	31	CH15
30	GND	29	CH14
28	GND	27	CH13
26	GND	25	CH12
24	GND	23	CH11
22	GND	21	CH10
20	GND	19	CH9
18	GND	17	CH8
16	GND	15	CH7
14	GND	13	CH6
12	GND	11	CH5
10	GND	9	CH4
8	GND	7	CH3
6	GND	5	CH2
4	GND	3	CH1
2	GND	1	CH0